

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên
Bà Lê Hoàng Như Yên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Kim Ngân	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023



Số: 505 /2023/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### KT TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Theo Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2820-2020-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>473.137.165.852</b>	<b>617.505.422.721</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>124.513.281.776</b>	<b>112.902.428.057</b>
1. Tiền	111		58.859.564.776	60.375.380.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.653.717.000	52.527.047.361
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>166.907.465.000</b>	<b>122.746.419.178</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	16.525.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(397.075.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		150.779.540.000	106.221.419.178
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>180.316.782.887</b>	<b>380.977.760.106</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	162.291.169.391	358.763.680.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	7.708.556.338	8.241.246.999
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	19.471.634.898	21.075.973.165
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(9.154.577.740)	(7.103.140.318)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.399.636.189</b>	<b>878.815.380</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.364.936.835	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.699.354	285.570.012
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	593.245.368
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>229.568.617.464</b>	<b>174.522.678.343</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.559.398.117</b>	<b>37.428.524.719</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	31.494.646.854	36.344.877.225
Nguyên giá	222		109.098.630.394	109.733.092.171
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.603.983.540)	(73.388.214.946)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.064.751.263	1.083.647.494
Nguyên giá	228		3.593.073.186	3.538.073.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.528.321.923)	(2.454.425.692)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>255.239.000</b>	<b>147.239.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		255.239.000	147.239.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>196.159.105.755</b>	<b>135.631.293.419</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		169.856.891.784	112.017.729.590
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.623.200.000	21.623.200.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.986.029)	(709.636.171)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.700.000.000	2.700.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>594.874.592</b>	<b>1.315.621.205</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		594.874.592	1.315.621.205
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>702.705.783.316</b>	<b>792.028.101.064</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>527.757.602.856</b>	<b>593.774.677.608</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>461.176.355.101</b>	<b>527.585.336.292</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	196.241.984.737	253.008.495.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.743.351	2.606.128.498
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	6.075.100.971	12.964.399.445
4. Phải trả người lao động	314	4.11	16.197.185.880	16.149.956.759
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	2.674.168.014	12.266.046.114
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	7.486.791.975	5.180.755.557
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	232.447.380.173	225.401.360.795
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	8.193.379
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.581.247.755</b>	<b>66.189.341.316</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.12	3.840.996.814	3.840.996.811
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	3.506.038.000	3.457.062.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	59.234.212.941	58.891.282.505
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174.948.180.460</b>	<b>198.253.423.456</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>174.948.180.460</b>	<b>198.253.423.456</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	45.544.394.511
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		531.977.480	531.977.480
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.6	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.6	12.000.000.000	12.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.201.327.291)	12.103.915.705
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	1.087.358.749
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.201.327.291)	11.016.556.956
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>702.705.783.316</b>	<b>792.028.101.064</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Hương Lan  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.803.584.707.015	2.544.345.801.877
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.803.584.707.015	2.544.345.801.877
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.713.423.210.712	2.444.956.677.996
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.161.496.303	99.389.123.881
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	16.807.939.328	33.051.892.958
6. Chi phí tài chính	22	5.4	27.121.231.737	26.740.303.922
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.510.561.060</i>	<i>22.918.232.743</i>
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(39.520.187.807)	(44.814.726.239)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	41.628.708.961	39.557.593.787
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.300.692.874)	21.328.392.891
10. Thu nhập khác	31		330.025.716	322.368.989
11. Chi phí khác	32		689.015.117	505.511.198
12. Lợi nhuận khác	40		(358.989.401)	(183.142.209)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.659.682.275)	21.145.250.682
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	9.541.645.016	10.128.693.726
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.201.327.291)	11.016.556.956
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(11.201.327.291)	11.016.556.956
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.3	(984)	909
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	(487)	868



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Hương Lan  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		(1.659.682.275)	21.145.250.682
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.957.498.656	4.915.131.438
Các khoản dự phòng	03		1.759.862.282	1.800.798.329
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(75.232.280)	1.740.970.452
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		31.785.876.422	15.375.865.186
Chi phí lãi vay	06	5.4	18.510.561.060	22.918.232.743
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>55.278.883.865</b>	<b>67.896.248.830</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		241.271.528.621	(135.392.406.138)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(111.381.650.687)	118.632.419.425
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(644.190.222)	3.487.644
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(5.250.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.186.260.621)	(18.839.825.947)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(13.891.162.458)	(5.723.993.858)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		337.051.470	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(555.555.555)	(832.888.888)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>152.228.644.413</b>	<b>20.493.041.068</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(196.372.054)	(2.057.852.061)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		118.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(62.203.924.539)	(75.491.447.186)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.929.923.717	22.672.013.099
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(97.359.350.000)	(26.022.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	56.250.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.734.311.385	4.568.861.053
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(135.977.229.673)</b>	<b>(20.080.925.095)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	531.977.480
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.286.384.332.224	1.814.940.320.153
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.279.338.312.846)	(1.801.169.749.695)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.893.605.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.847.585.622)</b>	<b>14.302.547.938</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.403.829.118</b>	<b>14.714.663.911</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		112.902.428.057	100.042.072.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		207.024.601	(1.854.308.457)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>124.513.281.776</b>	<b>112.902.428.057</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Hương Lan  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	23,25	27.780.000.000	23,25
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	23.571.400.000	19,73	21.074.400.000	17,64
Lionas Fund Co.,Ltd	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53	9.000.000.000	7,53
Các đối tượng khác		12.387.650.000	10,37	14.884.650.000	12,46
<b>Cộng</b>		<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”).

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng
Chi nhánh Bắc Ninh	tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Chi nhánh Hồ Chí Minh	tầng 5 khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 là 426 (31/12/2021 là: 406).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, tiếp vận và bốc xếp hàng hóa.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
  - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
  - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
  - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
  - + Đại lý tàu biển;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
  - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
  - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
  - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận và tiếp vận, ngành nghề này có xu hướng tăng trưởng mạnh trong thời gian đại dịch Covid-19 năm 2020 và 2021. Thời gian này, đơn giá cước và khối lượng vận chuyển gia tăng. Năm 2022, lĩnh vực hoạt động này có xu hướng ổn định trở lại do đó doanh thu năm 2022 của Tập đoàn đã giảm 29% so với năm 2021, cụ thể:

- Doanh thu cước vận chuyển hàng không giảm 44%;
- Doanh thu cước vận chuyển đường biển giảm 11%;
- Doanh thu từ các dịch vụ khác giảm 28%.

### **1.6. Công ty con được hợp nhất**

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Là Công ty Cổ phần Cảng Mipec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 26,33%. Trụ sở của công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đình Vũ - Khu KT Đình Vũ Cát Hải, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### **2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ**

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Thay đổi chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2021.

### **3.2. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### **3.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.5. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua. Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### **3.6. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.11. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện các thủ tục và đáp ứng được các điều kiện phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.



### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, doanh nghiệp phải tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Việc xác định giá trị các cấu phần của trái phiếu chuyển đổi được thực hiện như sau:

- Xác định giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, doanh nghiệp được sử dụng lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

- Xác định giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi (quyền chọn chuyển đổi trái phiếu)

Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Sau ghi nhận ban đầu, kế toán phải điều chỉnh giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi như sau:

- Ghi tăng giá trị phần nợ gốc của trái phiếu đối với chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ định kỳ;
- Ghi tăng giá trị phần nợ gốc của trái phiếu đối với phần chênh lệch giữa số lãi trái phiếu phải trả tính theo lãi suất của trái phiếu tương không có quyền chuyển đổi hoặc lãi suất thực tế cao hơn số lãi trái phiếu phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi:

- Giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.
- Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, doanh nghiệp ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.
- Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế toán ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi và ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

#### **3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi***

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là 7,5%/năm được đánh giá là đáng tin cậy.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.17. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 8% và 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	3.989.123.202	2.454.466.963
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.870.441.574	57.920.913.733
Các khoản tương đương tiền (*)	65.653.717.000	52.527.047.361
<b>Cộng</b>	<b>124.513.281.776</b>	<b>112.902.428.057</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:				
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	10.515.232.000	6.900.000.000	13.447.364.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	9.625.000.000	9.227.925.000 (397.075.000)	9.625.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.525.000.000</b>	<b>19.743.157.000 (397.075.000)</b>	<b>16.525.000.000</b>	<b>29.906.114.000</b>

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	150.779.540.000	150.779.540.000	106.221.419.178	106.221.419.178
Dài hạn:				
Trái phiếu	4.700.000.000	4.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7% đến 7,4%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	277.696.850.000	169.856.891.784	180.337.500.000	112.017.729.590

CTCP Cảng Mipec hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, khai thác cảng, bốc xếp hàng hóa và cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển. Thông qua Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 16/09/2022, Công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu của CTCP Cảng Mipec theo phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 97.359.350.000 VND làm tăng tỷ lệ quyền biểu quyết từ 25% lên 26,33%.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam <sup>(a)</sup>	2.260.000.000	(*) (20.986.029)	2.260.000.000	(*) (709.636.171)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long <sup>(b)</sup>	19.363.200.000	(*) -	19.363.200.000	(*) -
<b>Cộng</b>	<b>21.623.200.000</b>	<b>(20.986.029)</b>	<b>21.623.200.000</b>	<b>(709.636.171)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(a) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 10,03% vốn góp Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long. Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
------------------------	------------------------

Phải thu từ bên liên quan – Xem thêm mục 8

648.063.819

Phải thu khách hàng:

Công ty TNHH Giao nhận vận tải Bình Minh

7.169.935.650

Công ty TNHH tiếp vận KCL

4.292.906.586

Chi nhánh Công ty TNHH KMTC Air-sea service Việt Nam tại Hà Nội

2.112.364.034

Các khách hàng khác (\*)

148.656.558.261

**Cộng****162.291.169.391****358.763.680.260**

(\*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
------------------------	------------------------

Regional Container Lines Public Company

5.368.976.298

Các nhà cung cấp khác

3.828.435.682

**Cộng****7.708.556.338****8.241.246.999**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	8.109.676.000	-	11.002.568.690	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.983.940.553	-	4.190.057.110	-
Phải thu khác	6.378.018.345	-	5.883.347.365	-
<b>Cộng</b>	<b>19.471.634.898</b>	<b>-</b>	<b>21.075.973.165</b>	<b>-</b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Công ty CP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	1.076.916.344	-
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	1.590.054.238	5.300.180.797	2.650.090.398
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Chuyên Phát Nhanh Đa Phương	1.300.000.000	650.000.000	-	-
Các khách hàng khác	3.670.889.929	1.068.975.822	3.239.952.106	979.439.261
<b>Cộng</b>	<b>12.463.607.800</b>	<b>3.309.030.060</b>	<b>10.732.669.977</b>	<b>3.629.529.659</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2022	52.967.101.368	10.908.748.915	43.985.236.622	1.016.535.266	855.470.000	109.733.092.171
Mua trong năm	-	33.372.054	-	-	-	33.372.054
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(667.833.831)	-	-	(667.833.831)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>52.967.101.368</b>	<b>10.942.120.969</b>	<b>43.317.402.791</b>	<b>1.016.535.266</b>	<b>855.470.000</b>	<b>109.098.630.394</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	23.018.804.296	8.181.207.340	40.504.067.680	867.573.698	816.561.932	73.388.214.946
Khấu hao trong năm	2.906.270.088	826.052.521	1.062.602.256	69.977.564	18.699.996	4.883.602.425
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(667.833.831)	-	-	(667.833.831)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>25.925.074.384</b>	<b>9.007.259.861</b>	<b>40.898.836.105</b>	<b>937.551.262</b>	<b>835.261.928</b>	<b>77.603.983.540</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2022	29.948.297.072	2.727.541.575	3.481.168.942	148.961.568	38.908.068	36.344.877.225
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>27.042.026.984</b>	<b>1.934.861.108</b>	<b>2.418.566.686</b>	<b>78.984.004</b>	<b>20.208.072</b>	<b>31.494.646.854</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 1.624.035.660 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 41.936.150.381 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	2.642.410.677	950.662.509	3.593.073.186
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>2.642.410.677</b>	<b>950.662.509</b>	<b>3.593.073.186</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	1.590.354.597	864.071.095	2.454.425.692
Khấu hao trong năm	16.316.244	57.579.987	73.896.231
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.606.670.841</b>	<b>921.651.082</b>	<b>2.528.321.923</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	1.052.056.080	31.591.414	1.083.647.494
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.035.739.836</b>	<b>29.011.427</b>	<b>1.064.751.263</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.149.213.578 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 656.679.618 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co., Ltd	112.155.346.710	112.155.346.710	95.503.292.514	95.503.292.514
Phải trả cho các đối tượng khác	84.086.638.027	84.086.638.027	157.505.203.231	157.505.203.231
<b>Cộng</b>	<b>196.241.984.737</b>	<b>196.241.984.737</b>	<b>253.008.495.745</b>	<b>253.008.495.745</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	660.960.662	8.739.345.035	8.871.492.056	-	793.107.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.641.839.074	9.549.644.574	13.891.162.458	306.993.093	6.290.350.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.400.645.309	17.954.200.719	16.744.305.945	-	4.446.541.705
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	603.618.056	801.943.910	198.325.854	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.371.655.926	15.982.002.654	15.919.258.574	-	1.434.400.006
Các loại thuế khác	-	-	623.084.521	535.158.100	87.926.421	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.075.100.971</b>	<b>53.451.895.559</b>	<b>56.763.321.043</b>	<b>593.245.368</b>	<b>12.964.399.445</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 31/12/2022.

**4.12. Chi phí phải trả**

	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Ngắn hạn:		
Trích trước cước vận chuyển và phí làm chứng từ	2.674.168.014	12.266.046.114
Dài hạn:		
Trích trước lãi vay phải trả của trái phiếu	3.840.996.814	3.840.996.811

**4.13. Phải trả khác**

	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.144.268.626	3.927.032.105
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.342.523.349	1.253.723.452
<b>Cộng</b>	<b><u>7.486.791.975</u></b>	<b><u>5.180.755.557</u></b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.506.038.000	3.457.062.000

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.14. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	232.447.380.173	232.447.380.173	1.286.384.332.224	1.279.338.312.846	225.401.360.795	225.401.360.795
Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:						
<b>Ngân hàng</b>			<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			VND	9,55%/năm	107.796.064.718	134.888.825.941 (a)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam			VND	8%/năm	45.325.916.002	29.918.808.919 (b)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam			VND	8,5%/năm	57.102.869.691	22.329.444.418 (c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội			VND	8%/năm	4.420.766.998	- (d)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam			VND	6,5%/năm	-	17.999.614.730
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai			VND	8,5%/năm	13.466.866.767	20.264.666.787 (e)
Ngân hàng TMCP Quân đội			VND	8,9%/năm	4.334.895.997	- (f)
<b>Cộng</b>					<b>232.447.380.173</b>	<b>225.401.360.795</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2 và các tài sản khác – Xem thêm mục 4.7 và 4.8, được chi tiết như sau:

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 20.000.000.000 VND;
  - Hợp đồng tiền gửi số 659/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 500.000.000 VND;
  - Hợp đồng tiền gửi số 142/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.300.000.000 VND;
  - Hợp đồng tiền gửi số 555/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
  - Hợp đồng tiền gửi số 194/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 50.000 USD;
  - Hợp đồng tiền gửi số 657/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
  - Hợp đồng tiền gửi số 225/2021/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
  - Các tài khoản tiền gửi số 22213700094664, 22213700093740 với tổng trị giá 553.700 USD;
  - Các tài khoản tiền gửi số 22210001519065, 22210001528043, 22210001528052 kỳ hạn 12 tháng, tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND;
  - Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 1.624.035.660 VND – Xem thêm mục 4.7;
  - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đồng Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 656.679.618 VND – Xem thêm mục 4.8.
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/NHNoHNPGBBB-VNT, kỳ hạn 12 tháng với tổng trị giá 8.000.000.000 VND;
  - Hợp đồng tiền gửi số 02/2021/HĐTG/NHNoHNPGBBB-VNT, kỳ hạn 12 tháng với tổng trị giá 4.000.000.000 VND;
  - Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 1501633000869, 1501633000875, 1501633000954, 1501633000960 kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND.
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Tài khoản tiền gửi số 216000233934 với tổng trị giá là 500.000 USD;
  - Tài khoản tiền gửi số 217000236409 với tổng trị giá là 5.245.000.000 VND.
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Các tài khoản tiền gửi số 09750000004676, 09750000017086, 001020824108, kỳ hạn 06 đến 12 tháng với tổng trị giá 15.600.000.000 VND;
  - Tài khoản tiền gửi số 001031887761, kỳ hạn 12 tháng với tổng trị giá là 194.000 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(e) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 2710/2020/HĐBĐ/NHCT136-Hanoitrans, kỳ hạn 3 tháng, giá trị 150.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 1512/2020/HĐBĐ/NHCT136-Hanoitrans, kỳ hạn 3 tháng, giá trị 50.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 1501/2021/HĐBĐ/NHCT136-Hanoitrans, kỳ hạn 3 tháng, giá trị 50.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 2901/2021/HĐBĐ/NHCT136-Hanoitrans, kỳ hạn 3 tháng, giá trị 50.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 0604A/2021/HĐBĐ/NHCT136-Hanoitrans, kỳ hạn 3 tháng, giá trị 60.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 0907/2021/HĐBĐ/NHCT136-Hanoitrans, kỳ hạn 3 tháng, giá trị 50.000 USD;
- Các tài khoản tiền gửi số 215000278560, 213000284707, 217000301935 kỳ hạn 12 tháng, tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hoàng Mai với tổng giá trị là 4.300.000.000 VND.

(f) Khoản vay được bảo đảm bằng tài khoản tiền gửi số 0858323386865 kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị là 4.000.000.000 VND.

*(Xem trang tiếp theo)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Trái phiếu chuyển đổi**

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.480 VND.

	<u>Trái phiếu chuyển đổi</u>
Tại ngày 01/01/2021	-
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520
Chi phí phát hành	(137.500.000)
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	237.409.985
	<hr/>
Tại ngày 31/12/2021	58.891.282.505
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	274.180.436
	<hr/>
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b><u>59.234.212.941</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

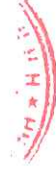
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	22.487.652.591	186.704.889.020
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	531.977.480	-	-	531.977.480
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.016.556.956	11.016.556.956
Tại ngày 01/01/2022	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	33.504.209.547	198.253.423.456
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(11.201.327.291)	11.201.327.291
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(210.310.705)	(210.310.705)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.893.605.000)	(11.893.605.000)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>45.544.394.511</b>	<b>531.977.480</b>	<b>(817.208.082)</b>	<b>10.198.966.551</b>	<b>174.948.180.460</b>

(Xem trang tiếp theo)





**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ	(11.201.327.291)	11.016.556.956
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(210.310.705)
Lãi/(Lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.701.327.291)	10.806.246.251
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	11.893.605	11.893.605
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(984)</b>	<b>909</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 04 năm 2022.

**4.16.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ sau điều chỉnh <sup>(1)</sup>	(7.608.725.342)	14.334.282.393
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(210.310.705)
Lãi/(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(8.108.725.342)	14.123.971.688
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu <sup>(2)</sup>	16.644.097	16.279.676
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(487)</b>	<b>868</b>

(1) Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ sau điều chỉnh được tính toán như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ	(11.201.327.291)	11.016.556.956
Cộng: Lãi trái phiếu sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	3.592.601.949	3.317.725.437
<b>Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ sau điều chỉnh</b>	<b>(7.608.725.342)</b>	<b>14.334.282.393</b>

(\*) Lãi/(Lỗ) sau thuế để tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh ảnh hưởng sau thuế của lãi vay và các chi phí tài chính khác liên quan đến trái phiếu chuyển đổi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(2) Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	11.893.605	11.893.605
Số lượng trái phiếu chuyển đổi được giả định là phát hành (*)	4.750.492	4.386.071
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>16.644.097</b>	<b>16.279.676</b>

**4.16.5. Cổ tức**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Cổ tức đã trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.000	-

**4.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b> <b>VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b> <b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2022	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2022</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2022</b>
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.644.450,03	2.549.134,62
JPY	33.000,00	33.000,00
EUR	13.342,12	35.332,24
SGD	680,86	680,86



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cước vận chuyển hàng không	631.817.812.152	1.131.392.097.850
Cước vận chuyển đường biển	816.065.754.366	915.252.934.008
Doanh thu dịch vụ khác	355.701.140.497	497.700.770.019
<b>Cộng</b>	<b>1.803.584.707.015</b>	<b>2.544.345.801.877</b>

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

2.485.533.137

9.953.539.854

Nguyên nhân giảm doanh thu năm nay được thuyết minh tại mục 1.5.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	100.444.753.117	107.028.151.231
Chi phí công cụ, dụng cụ	654.253.495	452.249.705
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.097.531.688	4.183.836.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.578.736.904.055	2.306.250.522.797
Chi phí bằng tiền khác	29.489.768.357	27.041.917.915
<b>Cộng</b>	<b>1.713.423.210.712</b>	<b>2.444.956.677.996</b>

Giá vốn năm 2022 giảm do giảm doanh thu như thuyết minh ở mục 5.1.

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.424.517.500	758.310.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.309.793.885	3.810.551.053
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.998.395.663	3.613.031.905
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	75.232.280	-
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	24.870.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.807.939.328</b>	<b>33.051.892.958</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	18.510.561.060	22.918.232.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.902.245.819	2.223.927.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.740.970.452
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(291.575.142)	(142.826.958)
<b>Cộng</b>	<b>27.121.231.737</b>	<b>26.740.303.922</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	21.493.788.775	23.232.313.552
Chi phí khấu hao	859.966.968	731.295.090
Chi phí dự phòng	2.051.437.424	1.943.625.287
Chi phí bằng tiền khác	17.223.515.794	13.650.359.858
<b>Cộng</b>	<b>41.628.708.961</b>	<b>39.557.593.787</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	121.938.541.892	130.260.464.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.957.498.656	4.915.131.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.578.736.904.055	2.306.250.522.797
Dự phòng phải thu khó đòi	2.051.437.424	1.943.625.287
Chi phí khác	47.367.537.646	41.144.527.478
<b>Cộng</b>	<b>1.755.051.919.673</b>	<b>2.484.514.271.783</b>

*(Xem trang tiếp theo)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(1.659.682.275)	21.145.250.682
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất BCTC	53.782.233.692	52.230.503.392
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.655.229.786	1.208.623.924
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(88.419.924)	(8.583.291.057)
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(15.686.563.385)	(8.174.087.152)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	39.002.797.894	57.826.999.789
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	7.800.559.579	11.565.399.957
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	1.741.085.437	(1.436.706.231)
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>	<b>9.541.645.016</b>	<b>10.128.693.726</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.286.384.332.224	1.756.217.697.633
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	58.722.622.520
<b>Cộng</b>	<b>1.286.384.332.224</b>	<b>1.814.940.320.153</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.279.338.312.846)	(1.801.169.749.695)

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội;
- Hải Phòng.

Đơn vị: Ngàn đồng

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	1.680.107.879	2.459.009.979	123.476.828	85.335.823	-	-	1.803.584.707	2.544.345.802
Giữa các bộ phận	103.036.337	126.229.412	17.548.017	22.894.556	(120.584.354)	(149.123.968)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.783.144.216</b>	<b>2.585.239.391</b>	<b>141.024.845</b>	<b>108.230.379</b>	<b>(120.584.354)</b>	<b>(149.123.968)</b>	<b>1.803.584.707</b>	<b>2.544.345.802</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>								
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(14.813.872)	4.819.477	23.826.472	10.197.327	-	-	9.012.600	15.016.804
Doanh thu tài chính	12.326.051	30.524.692	4.410.094	2.527.201	-	-	16.736.145	33.051.893
Chi phí tài chính	(20.456.203)	(22.842.376)	(6.593.234)	(3.897.928)	-	-	(27.049.437)	(26.740.304)
Lợi nhuận khác	(510.939)	(72.400)	151.949	(110.742)	-	-	(358.990)	(183.142)
Lợi nhuận trước thuế Thuế TNDN	(23.454.963)	12.429.393	21.795.281	8.715.858	-	-	(1.659.682)	21.145.251
							(9.541.645)	(10.128.694)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>(11.201.327)</b>	<b>11.016.557</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đơn vị: Ngân đồng

**Các thông tin khác**

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Tài sản của bộ phận	586.891.277	716.263.996	181.383.744	164.803.830	(65.569.238)	(89.039.725)	702.705.783	792.028.101
Nợ phải trả của bộ phận	411.943.097	518.010.573	181.383.744	164.803.830	(65.569.238)	(89.039.725)	527.757.603	593.774.678
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	196.372	1.952.622	-	105.230	-	-	196.372	2.057.852
Chi phí khấu hao trong năm	946.596	817.924	4.010.902	4.097.207	-	-	4.957.498	4.915.131

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Vinafreight	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần VNT Holdings	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Công ty Cổ phần Transimex	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	59.404.860	648.063.819

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	2.485.533.137	9.953.539.854

Mua dịch vụ:

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	155.250.270	598.187.617

Chia cổ tức:

Công ty Cổ phần Vinafreight	2.961.500.000	-
Công ty Cổ phần VNT Holdings	2.778.000.000	-
Công ty Cổ phần Transimex	2.357.140.000	-
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	362.788.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.459.428.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.049.665.333	1.236.666.666
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị	977.443.111	1.095.333.333
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	612.000.000	612.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	612.000.000	612.000.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	612.000.000	612.000.000
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	61.111.111	61.111.111
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị	61.111.111	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên Hội đồng quản trị	61.111.111	61.111.111
Ông Nguyễn Bào Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	61.111.111	-
Bà Lê Hoàng Như Yên	Thành viên Hội đồng quản trị	61.111.111	-
<b>Cộng</b>		<b>4.168.663.999</b>	<b>4.351.333.332</b>

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Trần Thị Kim Ngân – Trưởng Ban kiểm soát	22.222.222	-
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim – Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 25/04/2022)	-	28.000.000
Bà Vũ Thị Bình Nguyên – Thành viên	16.666.667	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thành viên	16.666.667	-
<b>Cộng</b>	<b>55.555.556</b>	<b>56.000.000</b>

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	909	884
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	868	884

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự chênh lệch giữa số quý khen thưởng phúc lợi tạm trích trong năm 2021 và số được duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ ĐHCĐ-VNT ngày 25 tháng 04 năm 2022 và điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 04/01/2023, Nghị quyết hội đồng quản trị số 02/2023/NQ-HDQT đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành.

Ngày 16/01/2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 20/QĐ-SGDHN thông báo về việc hủy niêm yết trái phiếu VNT421032 của Công ty Cổ phần giao nhận Vận Tải Ngoại Thương từ ngày 27/01/2023 là ngày đáo hạn.

Ngày 02/02/2023, Tập đoàn đã gửi báo cáo số 04/2023/BC-VNT báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Số lượng trái phiếu chuyển đổi là 592.246 trái phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 8,01714 (nhà đầu tư sở hữu 01 trái phiếu nhận 8,01714 cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.473,28 đồng/ cổ phiếu). Như vậy, số lượng cổ phiếu phát hành thêm để chuyển đổi trái phiếu là 4.750.492 cổ phiếu.

Ngoài vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Hương Lan  
Người lập